|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC KẠN**  Số: 515/QĐ-UBND | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc Bắc Kạn, ngày 04 tháng 4 năm 2022 |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh mục và lộ trình huyện đạt chuẩn nông thôn mới,**

**xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao,**

**xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, thôn đạt chuẩn nông thôn mới**

**tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2022 - 2025**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/ĐH ngày 28/10/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết* số *23-NQ/TU ngày 16/12/2021 của Tỉnh ủy Bắc Kạn về lãnh đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025;*

*Theo đề nghị của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 61/TTr-VPĐP ngày 25/3/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục và lộ trình huyện đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, thôn đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025 như biểu chi tiết đính kèm.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn, tập trung thực hiện để huyện Bạch Thông đạt chuẩn nông thôn mới, các xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, thôn nông thôn mới theo đúng lộ trình.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh; thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Đỗ Thị Minh Hoa** |

**BIỂU DANH MỤC VÀ LỘ TRÌNH HUYỆN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI,**

**XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI, XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO,**

**XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU, THÔN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI**

**TỈNH BẮC KẠN GIAI ĐOẠN 2022 - 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

| **TT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **Danh mục và lộ trình huyện đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới,**  **xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu,**  **thôn đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025** | | | | | | | | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng cộng** | **Huyện Pác Nặm** | **Huyện Bạch Thông** | **Huyện Ngân Sơn** | **Huyện Ba Bể** | **Huyện Chợ  Đồn** | **Huyện**  **Na Rì** | **Huyện Chợ Mới** | **Thành phố Bắc Kạn** |  |
| **I** | **HUYỆN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI** |  | Huyện Bạch Thông | | | | | | | | |  |
| **II** | **XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI** | Xã | **40** | **3** | **9** | **4** | **3** | **8** | **8** | **5** | **0** |  |
| 1 | Danh mục các xã | Xã | **40** | Giáo Hiệu, Nhạn Môn, Bộc Bố | Sỹ Bình, Tân Tú, Lục Bình, Vi Hương, Vũ Muộn, Mỹ Thanh, Nguyên Phúc, Đôn Phong, Cao Sơn | Bằng Vân, Đức Vân, Thuần Mang, Hiệp Lực | Mỹ Phương, Quảng Khê, Yến Dương | Quảng Bạch, Ngọc Phái, Bằng Lãng, Lương Bằng, Yên Phong, Nam Cường, Đồng Lạc, Bản Thi | Côn Minh, Trần Phú, Văn Lang, Liêm Thủy, Văn Minh, Cư Lễ, Xuân Dương, Sơn Thành | Nông Hạ, Thanh Vận, Yên Hân, Cao Kỳ, Quảng Chu |  |  |
| 2 | Lộ trình thực hiện | Xã | **40** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Năm 2022 | Xã | **9** | Bộc Bố | Tân Tú | Bằng Vân | Mỹ Phương | Quảng Bạch, Ngọc Phái | Côn Minh, Trần Phú | Nông Hạ |  |  |
|  | Năm 2023 | Xã | **9** |  | Lục Bình, Vũ Muộn | Đức Vân | Quảng Khê | Bằng Lãng, Lương Bằng | Văn Lang, Liêm Thủy | Thanh Vận |  |  |
|  | Năm 2024 | Xã | **10** | Giáo Hiệu | Vi Hương, Sỹ Bình, Mỹ Thanh | Thuần Mang |  | Yên Phong, Nam Cường | Cư Lễ, Xuân Dương | Yên Hân |  |  |
|  | Năm 2025 | Xã | **12** | Nhạn Môn | Nguyên Phúc, Đôn Phong, Cao Sơn | Hiệp Lực | Yến Dương | Đồng Lạc, Bản Thi | Sơn Thành, Văn Minh | Cao Kỳ, Quảng Chu |  |  |
| **III** | **XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO** | Xã | **15** | **0** | **2** | **2** | **2** | **3** | **2** | **2** | **2** |  |
| 1 | Danh mục các xã | Xã | **15** |  | Cẩm Giàng, Quân Hà | Vân Tùng, Bằng Vân | Hà Hiệu, Khang Ninh | Đồng Thắng, Yên Thượng, Nghĩa Tá | Cường Lợi, Côn Minh | Như Cố, Bình Văn | Nông Thượng, Dương Quang |  |
| 2 | Lộ trình thực hiện | Xã | **15** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Năm 2022 | Xã | 2 |  | Cẩm Giàng |  | Hà Hiệu |  |  |  |  |  |
|  | Năm 2023 | Xã | 4 |  |  |  | Khang Ninh | Đồng Thắng | Cường Lợi |  | Nông Thượng |  |
|  | Năm 2024 | Xã | 3 |  |  | Vân Tùng |  | Yên Thượng |  | Bình Văn |  |  |
|  | Năm 2025 | Xã | 6 |  | Quân Hà | Bằng Vân |  | Nghĩa Tá | Côn Minh | Như Cố | Dương Quang |  |
| **IV** | **XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU** | Xã | **6** | **0** | **1** | **1** | **1** | **1** | **1** | **0** | **1** |  |
| 1 | Danh mục các xã | Xã | **6** |  | Quang Thuận | Vân Tùng | Khang Ninh | Đồng Thắng | Kim Lư |  | Nông Thượng |  |
| 2 | Lộ trình thực hiện | Xã | **6** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Năm 2022 | Xã | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Năm 2023 | Xã | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Năm 2024 | Xã | 1 |  |  |  |  |  | Kim Lư |  |  |  |
|  | Năm 2025 | Xã | 5 |  | Quang Thuận | Vân Tùng | Khang Ninh | Đồng Thắng |  |  | Nông Thượng |  |
| **V** | **THÔN ĐẠT CHUẨN  NÔNG THÔN MỚI** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Chỉ tiêu thực hiện | Thôn | **238** | 49 | 0 | 37 | 47 | 36 | 40 | 29 | 0 | Thực hiện thôn nông thôn mới tại 35 xã đặc biệt khó khăn không nằm trong lộ trình phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Ủy ban nhân dân các huyện chỉ đạo 35 xã trên rà soát, lựa chọn danh mục thôn phấn đấu đạt chuẩn thôn nông thôn mới theo chỉ tiêu được giao của từng huyện |
| 2 | Lộ trình thực hiện | Thôn | **238** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Năm 2022 | Thôn | **60** | 12 | 0 | 9 | 12 | 9 | 11 | 7 | 0 |
|  | Năm 2023 | Thôn | **59** | 12 | 0 | 9 | 11 | 9 | 10 | 8 | 0 |
|  | Năm 2024 | Thôn | **60** | 12 | 0 | 10 | 12 | 9 | 10 | 7 | 0 |
|  | Năm 2025 | Thôn | **59** | 13 | 0 | 9 | 12 | 9 | 9 | 7 | 0 |

***Ghi chú:*** *35 xã đặc biệt khó khăn không nằm trong lộ trình phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm: Xã Thanh Mai, Mai Lạp, Yên Cư, Tân Sơn, Hòa Mục, Dương Sơn, Lương Thượng, Đổng Xá, Kim Hỷ, Quang Phong, Văn Vũ, Đại Sảo, Bình Trung, Tân Lập, Bằng Phúc, Xuân Lạc, Yên Mỹ, Cốc Đán, Thượng Ân, Thượng Quan, Trung Hòa, Xuân La, Nghiên Loan, Cổ Linh, Công Bằng, Bằng Thành, An Thắng, Cao Tân, Bành Trạch, Cao Thượng, Chu Hương, Nam Mẫu, Phúc Lộc, Đồng Phúc, Hoàng Trĩ.*